

CÔNG VĂN ĐẾN SỐ 49
Ngày 21 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg, ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị xã hội; Quyết định số 179/2002/QĐ-TTg, ngày 16/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 29/2003/TT-BTC, ngày 14/4/2003 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chế độ sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 531/TTr-STC ngày 22/10/2012;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã và thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 19/2003/QĐ-UBND ngày 29/01/2003; Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 14/4/2003; Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 30/01/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Chính Phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị; chính trị - xã hội;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Website tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Các Phòng CM - VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM. *Ư*
(100Th)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ư
Y DHĂM ÊNUÔL

QUY ĐỊNH

**Về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ đối với
cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp,
tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 51 /2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ cao cấp được quy định tại Quy định số 68/QĐ-TW ngày 21/10/1999 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, việc trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng thực hiện theo Quy định số 68/QĐ-TW ngày 21/10/1999 và hướng dẫn số 10/HD/TCTW, ngày 29/12/1999 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về việc thực hiện một số chế độ chính sách đối với cán bộ cấp cao.

2. Cán bộ được trang bị một máy điện thoại cố định tại nhà riêng (trừ các máy điện thoại do cơ quan chức năng trang bị theo yêu cầu đặc biệt) bao gồm:

a) Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Phó Bí thư và Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng các Ban Đảng của Tỉnh ủy, Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh.

c) Các Giáo sư được quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 2, Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh, Bí thư Tỉnh đoàn, Chủ tịch Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh.

e) Giám đốc Sở, ban, ngành, Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Trưởng các Ban của HĐND tỉnh.

f) Bí thư Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Bí thư các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

g) Phó các Ban Đảng của Tỉnh ủy, Phó các Ban của HĐND tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Phó Bí thư các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Chi cục trưởng Chi cục quản lý thị trường, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh, Thường trực Văn phòng Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai.

h) Phó Giám đốc các Sở và tương đương; Phó Bí thư Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố.

i) Ủy viên thường trực HĐND các huyện, thị xã và thành phố; Chánh Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; Chánh Văn phòng HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

k) Trưởng Công an các huyện, thị xã, thành phố; Chỉ huy trưởng Cơ quan quân sự các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Các đối tượng nêu tại điểm a đến điểm g tại khoản 2, Điều 2 của Quy định này ngoài việc trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng còn được trang bị thêm một máy điện thoại di động;

Điều 4. Các đối tượng được trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động được thanh toán các khoản chi phí ban đầu như sau:

1. Chi mua máy không quá 300.000 đồng/máy đối với điện thoại cố định và 3.000.000 đồng/máy đối với điện thoại di động.

2. Chi phí lắp đặt máy, chi phí hòa mạng (hoặc cài đặt) được thanh toán theo hóa đơn của cơ quan bưu điện tại thời điểm được trang bị máy.

3. Các khoản chi phí sửa chữa, thay thế khi điện thoại hư hỏng không thể sửa chữa, được ngân sách Nhà nước thanh toán theo quy định hiện hành về quản lý tài sản của Nhà nước.

Điều 5. Mức thanh toán cước phí sử dụng điện thoại (kể cả tiền thuê bao) hàng tháng quy định như sau:

1. Các cán bộ nêu tại điểm a của khoản 2, Điều 2 Quy định này, mức thanh toán 300.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại cố định và 500.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại di động.

2. Các cán bộ nêu tại điểm b đến điểm f của khoản 2, Điều 2 Quy định này, mức thanh toán 250.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại cố định và 400.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại di động.

3. Cán bộ nêu tại điểm g và h của khoản 2, Điều 2 Quy định này, mức thanh toán 100.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại cố định và 250.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại di động.

4. Các cán bộ nêu tại điểm i, điểm k của khoản 2, Điều 2 Quy định này, mức thanh toán 200.000 đồng/máy/tháng đối với điện thoại di động.

- Hàng tháng, cơ quan quản lý cấp tiền cho cán bộ được tiêu chuẩn trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động để thanh toán cước phí sử dụng điện thoại (kể cả tiền thuê bao) theo mức quy định trên.

- Trường hợp đặc biệt, cán bộ phải trực tiếp tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống và khắc phục thiên tai..., thì thời gian thực hiện nhiệm vụ được thanh toán theo thực tế, sau khi được thủ trưởng cơ quan phê duyệt.

Mức thanh toán trên là mức khoán thanh toán hàng tháng cho cán bộ.

Điều 6. Các cán bộ được tiêu chuẩn trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động, khi chuyển sang đảm nhận công tác mới không thuộc diện được trang bị điện thoại hoặc sau khi có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác thì không được thanh toán tiền cước sử dụng điện thoại. Riêng cán bộ nêu tại điểm a và b của khoản 2, Điều 2 Quy định này được tiếp tục thanh toán cước sử dụng điện thoại cố định trong thời gian 3 tháng, kể từ ngày có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác.

Điều 7. Kinh phí để phục vụ cho việc lắp đặt ban đầu, sửa chữa và thanh toán cước phí điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động cho các đối tượng, được bố trí trong dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm của cơ quan, đơn vị.

Điều 8. Các nội dung không quy định tại Quyết định này thì được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 29/2003/TT-BTC, ngày 14/4/2003 của Bộ Tài chính.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Dhãm Ênuôi